TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 76/2024/DS-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miến

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông N.D.N, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** Bà P.T.Q, sinh năm 1983 và ông N.Đ.S, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Ông S ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Q, *(văn bản ủy quyền ngày 20/4/2024)*. Bà Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2023 cùng các tài liệu của nguyên đơn là ông N.D.N trình bày thì:

Ông và vợ chồng bà P.T.Q, ông N.Đ.S là người cùng làng với nhau. Năm 2022 bà Q và ông S vay của ông số tiền 300 triệu đồng để làm ăn, hai bên không thỏa thuận gì về tiền lãi. Đến tết âm lịch 2022 bà Q trả cho ông 50 triệu đồng. Đến năm 2023 ông

có đòi nhiều lần thì ngày 03/4/2023 bà Q có viết Giấy vay tiền, chốt số tiền còn nợ là 250 triệu đồng, hẹn 2 tháng sau sẽ trả. Nhưng đến hạn vẫn không trả cho ông đồng nào. Sau khi ông có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T.T thì bà Q mới trả thêm cho ông 20 triệu đồng, đến tết âm lịch năm 2023 bà Q trả tiếp 4 triệu đồng. Hiện còn nợ lại là 226 triệu đồng. Ông đề nghị bà Q, ông S trả cho ông số tiền gốc còn lại là 226 triệu đồng mỗi tháng trả 30 triệu đều đặn hàng tháng, tiền lãi ông không yêu cầu.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/4/2024 bị đơn bà P.T.Q trình bày:

Bà là vợ ông N.Đ.S. Ông bà là hàng xóm với ông N.D.N. Bà thừa nhận từ năm 2022 vợ chồng bà có vay tiền của ông N để làm ăn. Năm 2023 hai bên lập giấy vay tiền đề ngày 03/4/2023 với số tiền vay là 250 triệu đồng, thỏa thuận thời hạn vay 2 tháng, lãi suất 0%. Vợ chồng bà có ký nhận bên dưới mục Chồng vay tiền, Vợ vay tiền. Nhưng thực tế bà phải trả tiền lãi hàng tháng cho ông N là 4%/tháng. Tổng số tiền lãi bà đã trả kể từ khi vay đến cuối năm 2022 trung bình mỗi tháng khoảng 12 triệu đồng. Vì kinh tế khó khăn nên cuối năm 2023 bà mới trả cho ông N được 20 triệu đồng tiền gốc. Đến tết âm lịch năm 2023, trả tiếp 4 triệu đồng bằng hình thức chuyển khoản. Sau đó không trả được nữa, các lần trả lãi đều không có giấy tờ biên nhận gì nên bà không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả. Bà công nhận hiện tại vợ chồng còn nợ lại ông N số tiền 226 triệu đồng, nhưng vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên bà xin khất ông N cho trả dần mỗi tháng từ 3 đến 4 triệu đồng.

Bị đơn ông N.Đ.S nhất trí với mọi ý kiến của bà Q và có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Q.

Tại phiên tòa ông N.D.N rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện vì đến ngày thông báo xét xử thì bà Q trả thêm cho ông 5 triệu đồng nữa, số nợ còn lại là 221 triệu đồng, ông không đồng ý trả dần mỗi tháng từ 3 đến 4 triệu đồng. Đề nghị bà Q, ông S thanh toán toàn bộ số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình xây dựng hồ sơ và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.D.N. Bà Q và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông N.D.N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là ông N.Đ.S, bà P.T.Q hiện đang cư trú tại thôn G, xã HB, huyện TT nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Ngọc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội và quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1**].** Xét "Giấy biên nhận" đề ngày 3/4/2023 do bà P.T.Q viết có nội dung: "*Hôm nay ngày 3 tháng 4 năm 2023*

Tên tôi là: P.T.Q. Sinh ngày 12-4-1983. Số CCCD số 001183018076 ngày cấp 12-1-2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát.

Cùng vợ tôi là N.Đ.S. Sinh ngày 16-7-1981. Số CCCD số 001081019867. Ngày cấp 20-1-2022. Nơi cấp Cục cảnh sát. Hộ khẩu thường trú: Thôn G – HB – TT– Hà Nội. Chỗ ở hiện tại: Thôn G– HB – TT – Hà Nội. Số điện thoại: 0339956222

Hôm nay ngày 3 tháng 4 năm 2023.Vợ chồng tôi có vay của em N.D.N. Số CCCD số 001087021728. Ngày cấp 22-11-2021. Nơi cấp Cục cảnh sát.

Địa chỉ: Thôn G – HB – TT, Hà Nội. Số tiền 250.000.000 đồng chẵn. Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn.Thời hạn vay 2 tháng. Lãi suất 0%. Kể từ ngày 3/4/2023 đến ngày 3/6/2023.

Tôi hẹn từ ngày viết giấy này đến ngày 3/5/2023 tôi sẽ thanh toán trước số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Số còn lại tôi sẽ trả nốt đúng hẹn theo giấy thỏa thuận vay tiền này"

Vợ chồng vay tiền và người cho vay tiền đều ký tên.

Các bên thỏa thuận tại thời điểm theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, việc giao dịch đến nay vẫn đang thực hiện và có tranh chấp. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với các Điều 274, 275, 278, 280, 463, 466. Bộ luật dân sự 2015.

Bà Q, ông S thừa nhận ngày 3/4/2023 chốt nợ và lập hợp đồng vay của ông N tổng số tiền 250 triệu đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà Q đã thanh toán được tổng số tiền là 24 triệu đồng đến thời điểm Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ông N xác nhận nhận đến ngày xét xử bà Q, ông S đã trả thêm cho ông 5 triệu đồng tổng cộng là 29 triệu đồng, ông đồng ý trừ vào số tiền gốc còn lại 221 triệu đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông N buộc vợ chồng bà Q ông S phải thanh toán trả ông N toàn bộ số tiền gốc nêu trên.

[2.2]. Về yêu cầu trả lãi: Ông N.D.N không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng không xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 11.050.000 đồng. Hoàn trả ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 278, 280, 463, 466, 468, 469, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.D.N.

Buộc bà P.T.Q và ông N.Đ.S phải thanh toán trả ông N.D.N tổng số tiền là 221.000.000đ *(hai trăm hai mốt triệu đồng chẵn)*.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn chậm phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà P.T.Q và ông N.Đ.S phải chịu 11.050.000đ *(mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông N.D.N 6.250.000đ *(sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0017782 ngày 28/3/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.